

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ MỸ THO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **124/2018/DS-ST**.

Ngày: 27/11/2018.

V/v tranh chấp: “Đòi tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Sang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* + Bà Lê Thị Thu Yến.

+ Bà Lý Phương Thảo.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2018/TLST-DS ngày 24/4/2018 về tranh chấp: “Đòi tài sản”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2018/QĐXX-ST ngày 14/11/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 136/QĐST-DS ngày 23/11/2018, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Lương Ngọc A (tên thường gọi G), sinh năm 1962.

Địa chỉ: Tổ mười sáu, ấp Phước H, xã Phước T, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị B, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Số 50/2, Tổ chín, đường Trần Hưng Đ, khu phố bảy, Phường sáu, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang. (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 2250 ngày 19/3/2018)

**2. Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim N (tên thường gọi Bé T1), sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Số 625 Tổ mười sáu, ấp Phước H, xã Phước T, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại Đơn khởi kiện, bản tự ngày 19/4/2018 của nguyên đơn bà Lương Ngọc A và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị B - đại diện ủy quyền của bà A trình bày: Từ ngày 05/5/2015 đến ngày 03/6/2015 bà Lương Ngọc A có cho bà Nguyễn Thị Kim N (Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị T1 - tên thường gọi là Bé T1) vay 05 lần, tổng cộng số tiền 50.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, trong vòng 01 tháng hoàn trả vốn. Cụ thể: Ngày 05/5/2015 vay 20.000.000 đồng; Ngày 21/5/2015 vay 10.000.000 đồng; Ngày 22/5/2015 vay 5.000.000 đồng; Ngày 27/5/2015 vay 5.000.000 đồng; Ngày 03/6/2015 vay 10.000.000 đồng. Các lần vay đều có làm biên nhận nợ.

Chữ viết trong biên nhận ngày 05/5/2015 và ngày 21/5/2015 là do bà A viết, chữ ký tên và ghi họ tên “Nguyễn Thị K N” tại phần người mượn là do bà N ký. Chữ viết tại biên nhận ngày 22/5/2015 và 27/5/2015 là do bà N viết và ký tên. Chữ viết tại biên nhận ngày 03/6/2015 là do bà A viết, ghi họ tên “Ng~ Thị T1” là do bà N viết và ký tên.

Sau khi vay, bà N không có trả lãi và vốn cho bà A. Nay bà Lương Ngọc A yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim N phải trả lại số tiền vốn là 50.000.000 đồng và tiền lãi cho đến khi xét xử sơ thẩm (tiền lãi tạm tính từ ngày 05/5/2015 đến ngày 22/8/2018: 50.000.000 đồng x 1%/tháng x 39 tháng = 19.500.000 đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 69.500.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lương Ngọc A có đơn ngày 14/11/2018 xin rút 1 phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tính lãi của số tiền vốn 50.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà N trả số tiền vốn là 50.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật và yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà N phải chịu chi phí giám định 1.200.000 đồng do nguyên đơn tạm ứng trước.

- Tại Bản tự khai ngày 14/5/2018, 30/8/2018 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày: Bà tên Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị T1 (tên thường gọi là Bé T1). Theo yêu cầu khởi kiện của bà Lương Ngọc A yêu cầu bà trả tiền vốn và tiền lãi tạm tính từ ngày 05/5/2015 đến ngày 22/8/2018: 50.000.000 đồng x 1%/tháng x 39 tháng = 19.500.000 đồng, tổng cộng 69.500.000 đồng, bà không đồng ý trả, vì trước đây bà có mượn của bà A nhiều lần tiền sau đó chốt nợ lại lập biên nhận là 40.000.000 đồng, bà A đã khởi kiện bà và đã được giải quyết bằng Bản án phúc thẩm số 349/2016/DSPT ngày 09/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, hiện tại bà đang thi hành án.

- Tại biên bản hòa giải ngày 14/11/2018 bà N trình bày: Biên nhận ngày 05/5/2015 vay 20.000.000 đồng; Ngày 21/5/2015 vay 10.000.000 đồng. Chữ viết họ tên “Nguyễn Thị K N”, “Ng Thị Kim N” và chữ ký tên là do bà viết và ký tên.

- Đối với các biên nhận: Ngày 22/5/2015 vay 5.000.000 đồng; Ngày 27/5/2015 vay 5.000.000 đồng chữ viết và chữ ký là của bà viết và ký tên còn phần chữ ghi tổng cộng 40.000.000 đồng là bà A ghi thêm vào.

Các biên nhận này khi bà ký tên vào biên nhận thì không có ghi ngày

tháng năm nhưng thời điểm đó là năm 2010. Bốn biên nhận này đã được chốt nợ thành biên nhận 40.000.000 đồng ngày 05/11/2014, đã được xét xử bằng Bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang và bà đang thi hành án. Sau đó bà A tự ghi thêm ngày tháng năm vào bốn biên nhận này để tiếp tục khởi kiện bà nữa, do sơ xuất của bà là không nhận lại bốn biên nhận nợ này khi chốt nợ thành biên nhận 40.000.000 đồng, nhưng bà không có chứng cứ chứng minh việc tổng cộng bốn biên nhận nợ này thành biên nhận nợ 40.000.000 đồng ngày 05/11/2014. Biên nhận ngày 03/6/2015 vay 10.000.000 đồng do bà A viết, còn chữ viết họ tên “Ng~ Thị T1” và chữ ký tên kèm theo là của bà ký. Nay theo yêu cầu của bà Lương Ngọc A yêu cầu bà trả tiền vốn 50.000.000 đồng của 05 biên nhận, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật thì bà không đồng ý. Bà không đồng ý chịu chi phí giám định vì các biên nhận nợ bà A kiện bà đã trả rồi.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn rút 1 phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu trả tiền lãi của số tiền vốn 50.000.000 đồng, đề nghị đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút; Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 50.000.000 đồng tiền vốn, bị đơn không đồng ý trả và cho rằng các biên nhận mà nguyên đơn kiện đã chốt thành biên nhận 40.000.000 đồng ngày 05/11/2014 và biên nhận ngày 03/6/2015 nợ số tiền 10.000.000 đồng là số tiền nợ của biên nhận ngày 21/5/2015, nhưng bị đơn không có chứng cứ chứng minh. Như vậy, căn cứ vào 05 biên nhận nợ do bà N thừa nhận có ký tên, nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả 50.000.000 đồng.

Về chi phí giám định: Kết luận giám định chữ ký là của bà N, tại tòa bà N thừa nhận các biên nhận nguyên đơn khởi kiện là do bà N ký tên, bà N đồng ý trả lại chi phí giám định, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận bà N trả lại cho nguyên đơn 1.200.000 đồng chi phí giám định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vốn, lãi là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn rút 1 phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu trả tiền lãi, chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền vốn, nên xác định tranh chấp: “Đòi tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố MT quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của bà A, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa bà B và bà N thống nhất: Bà Lương Ngọc A (tên thường gọi là G). Bà Nguyễn Thị

Kim N còn có tên gọi khác là Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị T1 (tên thường gọi là Bé T1).

[2.1] Bà Lương Ngọc A rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà N trả tiền lãi. Xét, đây là sự tự nguyện của bà A và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 244, Điều 217, Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử 1 phần yêu cầu khởi kiện của bà A về việc yêu cầu bà N trả tiền lãi của số tiền 50.000.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu của bà A về yêu cầu bà N trả lại 50.000.000 đồng tiền vốn:

Căn cứ vào chứng cứ do bà A cung cấp là: Hợp đồng mượn vốn ngày 05/5/2015 bà A mượn 20.000.000 đồng, ngày 21/5/2015 mượn 10.000.000 đồng, ngày 22/5/2015 mượn 5.000.000 đồng, ngày 27/5/2015 mượn 5.000.000 đồng, Biên nhận mượn tiền ngày 03/6/2015 10.000.000 đồng. Bà N thừa nhận Biên nhận ngày 05/5/2015, 21/5/2015, 03/6/2015 do bà A viết, bà ký tên, biên nhận ngày 22/5/2015 và 27/5/2015 đều do bà N viết và ký tên, nhưng bà N không đồng ý trả, bà N cho rằng các biên nhận ngày 05/5/2015, ngày 21/5/2015, ngày 22/5/2015 và 27/5/2015 là số tiền bà mượn trước đây vào năm 2010 đã chốt nợ thành Hợp đồng vay vốn ngày 05/11/2014 bà A đã kiện bà và đã được xét xử bằng Bản án dân sự phúc thẩm số 349/2016/DSPT ngày 09/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, do bà sơ xuất không lấy lại các biên nhận khi chốt nợ; Còn Biên nhận mượn tiền ngày 03/6/2015 mượn 10.000.000 đồng, đây là số tiền 10.000.000 đồng của biên nhận ngày 21/5/2015, nhưng bà không có chứng cứ chứng minh để nộp cho Tòa án. Do đó, bà A yêu cầu bà N trả 50.000.000 đồng là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chi phí giám định: Bà N không đồng ý chữ viết, chữ ký trong các Biên nhận mà nguyên đơn khởi kiện, nguyên đơn có yêu cầu giám định, kết luận đều do bà N ký, tại phiên tòa bà N đồng ý trả lại 1.200.000 đồng cho nguyên đơn. Do đó, buộc bà N phải hoàn trả lại cho bà A 1.200.000 đồng chi phí giám định theo quy định tại Điều 161, Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà A yêu cầu bà N trả 50.000.000 đồng được Tòa án chấp nhận, nên theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà N phải chịu án phí dân sự với mức thu là 2.500.000 đồng (50.000.000 đồng x 5%).

Hoàn lại cho bà Lương Ngọc A số tiền 1.625.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012445 ngày 23/4/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

[5] Về lãi suất chậm trả do các bên không thỏa thuận được, nên áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét

xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 26, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 244, Điều 161, Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 166, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

**1.** Đình chỉ xét xử 1 phần yêu cầu khởi kiện của bà Lương Ngọc A về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim N trả tiền lãi của số tiền vốn 50.000.000 đồng theo hợp đồng ngày 05/5/2015, ngày 21/5/2015, ngày 22/5/2015, ngày 27/5/2015 và ngày 03/6/2015.

**2.** Buộc bà Nguyễn Thị Kim N phải trả cho bà Lương Ngọc A số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

**3.** Về chi phí giám định: Buộc bà Nguyễn Thị Kim N phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Lương Ngọc A 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm ngàn đồng) tiền chi phí giám định.

**4.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Lương Ngọc A số tiền 1.625.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012445 ngày 23/4/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Bà Lương Ngọc A, bà Nguyễn Thị Kim N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thành phố MT;
- Chi Cục THA dân sự TP.MT;
- Các đương sự:
  - + Bà Lương Ngọc A;
  - + Nguyễn Thị Kim N;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Đinh Thị Sang**